

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29- 6-2020

V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Đặng Thị Đồi

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Quý Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện K.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc “L hôn và nuôi con khi L hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị L, sinh năm 1976; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 3, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Cao Văn K, sinh năm 1970; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 3, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 19 tháng 3 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Cao Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 4 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống tại thôn 3, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị L và anh K chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2010 thì P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh K gia trưởng không quan tâm đến ai, thường xuyên mạt sát chị L và gia đình bên ngoại nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn giữa chị L và anh K mặc dù đã được gia đình và địa

phương hòa giải nhưng không cải thiện được. Do mâu thuẫn nên chị L đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay, trong quá trình L thân hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị L khai vợ chồng có 03 con chung là Cao Tuấn A, sinh ngày 30/10/2000; Cao Kỳ D, sinh ngày 07/07/2006; Cao Đức P sinh ngày 19/7/2015. Trường hợp ly hôn chị L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Cao Đức P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật và đồng ý để anh Cao Văn K nuôi dưỡng cháu Cao Kỳ D. Đối với cháu Cao Tuấn A đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị L đề nghị để tự thỏa thuận với anh K do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L khai vợ chồng có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Cao Văn K đồng ý với lời khai của chị L về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị L có đơn yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn và đề nghị vợ chồng tiếp tục chung sống để nuôi dạy các con vì anh vẫn còn tình cảm với chị L, cho rằng chị L ly hôn với anh là để đi Hàn Quốc và vì các con còn nhỏ.

Về con chung anh K khai hai vợ chồng có 03 con chung như chị L khai là đúng, trường hợp ly hôn anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Cao K D còn cháu Cao Đức P anh đồng ý để cho chị L nuôi dưỡng vì cháu P còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Đối với cháu Cao Tuấn A đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để anh K và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh K khai có tài sản chung nhưng để anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị L và anh Cao Văn K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử chị Bùi Thị L được ly hôn anh K. Về con chung, giao cháu Cao Đức P cho chị L nuôi dưỡng; giao cháu Cao Kỳ D cho anh K nuôi dưỡng. Về tài

sản chung: Đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị L và anh Cao Văn K là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về lối sống cũng như trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái nên giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã gây xúc phạm nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau mặc dù đã được người thân hai bên gia đình hòa giải. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh K phù hợp với lời khai của hai bên. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh K cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thực nhưng anh đề nghị vợ chồng tiếp tục chung sống vì anh vẫn còn tình cảm với chị L và để nuôi dạy con cái đồng thời anh cho rằng chị L xin ly hôn để đi lấy chồng Hàn Quốc nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L không thừa nhận vấn đề này. Xét anh K, chị L đã có thời gian sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Tại phiên tòa xét xử chị L vẫn cương quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh K. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh K đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh K.

[2] Về con chung: Chị L và anh K có 03 con chung là Cao Tuấn A, sinh ngày 30/10/2000; Cao Kỳ D, sinh ngày 07/07/2006; Cao Đức P sinh ngày 19/7/2015. Trường hợp ly hôn chị L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ còn chị đồng ý để anh K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Anh K cũng đồng ý nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Cao Kỳ D và để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Đức P. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chứng minh điều kiện hiện nay của chị L và anh K thì mỗi người đều có khả năng nuôi con và đảm bảo quyền lợi của các con. Tuy nhiên xét cháu P còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, do vậy giao cháu P cho chị L nuôi dưỡng và giao cháu D cho anh K nuôi dưỡng là phù hợp với sự tự nguyện của chị L và anh K cũng như đảm bảo quyền lợi của các bên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị L và anh K đề nghị để tự thỏa thuận với nhau nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh K khai vợ chồng có tài sản chung nhưng đề tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Cao Văn K.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Cao Đức P sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Cao Đức P đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Cao Kỳ D sinh ngày 07 tháng 7 năm 2006 cho anh Cao Văn K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Cao Kỳ D đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cháu Cao Tuấn A sinh ngày 30 tháng 10 năm 2000 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, chị L và anh K không đề nghị nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi L hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0008862 ngày 16/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T, huyện K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

